

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày 26-4-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà La Thị Thu Nga.

Ông Trần Đình Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/TLST-HS, ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 27/2024/QĐXXST-HS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thành C, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1994 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quang V, sinh năm 1962 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; có vợ là bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1998 và có 01 người con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 57/QĐ-TA, ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 13 tháng. Chấp hành xong ngày 06/5/2021; bị tạm giữ ngày 07/10/2023 chuyển tạm giam ngày 16/10/2023 theo Lệnh tạm giam số 132/LTG, ngày 16/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Nguyễn Văn P, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1988 tại tỉnh An Giang. Nơi cư trú: Khu phố X, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nơi ở hiện tại: Tổ 0, ấp B, xã H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1953 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1966 (đã chết); có vợ là bà Trần Thị N, sinh năm 1990 và có 01 người con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại Quyết định số 93/2016/QĐ-TA, ngày 25/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 tháng. Chấp hành xong ngày 11/5/2017; bị tạm giữ ngày 07/10/2023 chuyển tạm giam ngày 16/10/2023 theo Lệnh tạm giam số 133/LTG, ngày 16/10/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Vũ Thị H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

+ Ông Hoàng Ngọc N, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố P1, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nơi ở hiện tại: Số 000 đường N, phường 00, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Trần Thị Bé S (tên gọi khác: B), sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 00 đường B, phường 0, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người chứng kiến: Ông Đỗ Xuân T, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 05/10/2023, tại nhà của Vũ Thành C thuộc tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gia đình của C tổ chức ăn, uống (ăn, nhậu), khi đó có Hoàng Ngọc N, Trần Thị Bé S (B) và Nguyễn Văn P cùng tham gia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, P rủ C mua ma túy về sử dụng nhưng do C không có tiền nên P đưa cho C 200.000 đồng để mua ma túy. C cầm tiền đi bộ qua nhà của Lê Xuân T (TM) cùng ấp T với C để mua 01 gói ma túy đá của T. Sau khi mua được ma túy, C mang về quán cà phê của chị Vũ Thị H (chị H là chị ruột của C, quán cà phê ngay sát nhà ở của gia đình C). Tại đây, C lấy ra một bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 chai thủy tinh gắn 01 ống hút, một nỏ thủy tinh rồi gọi P ra, C đổ ma túy vào nỏ thủy tinh và đốt (nấu) tạo khói, C và P thay nhau hít khói

ma túy vào cơ thể sau đó thì để bộ dụng cụ còn ma túy trên bàn, khi N đi ra nhìn thấy ma túy nên tiếp tục sử dụng được 01 lượt thì hết nên N đi vào nhà nằm nghỉ. Lúc sau, N và S từ nhà qua quán cà phê ngồi chơi nói chuyện với C và P đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì S và N đi về còn C và P ngủ tại nhà của C.

Ngày 06/10/2023 vào khoảng 23 giờ, N và S quay lại chơi với P và C nhưng đến 02 giờ ngày 07/10/2023, khi Lê Xuân T chủ động gọi điện thoại cho S (T và S trước đây có mối quan hệ là vợ, chồng) và được S cho biết đang ở nhà của C nên khoảng 30 phút sau thì T đến và tự lấy ra 01 gói ma túy và nói với C bỏ vào nỏ để sử dụng. C đổ ma túy vào nỏ, đốt tạo khói, C sử dụng đầu tiên sau đó đến T, S, N và cuối cùng là P. Tổng cộng, mỗi người sử dụng được 03 lần thì lực lượng Công an xã P, huyện X đi tuần tra phát hiện nên đã lập biên bản vụ việc, đồng thời yêu cầu P, C, N và S về trụ sở làm việc, riêng T bỏ chạy thoát (Bl 2). Cùng thời điểm này, Tổ công tác cũng đã tiến hành lập biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ gồm 01 nỏ thủy tinh có chứa chất kết tinh nghi là ma túy, 01 gói nylon màu trắng bên trong có chứa chất kết tinh, không màu-trong suốt ghi là ma túy (Bl 74, 75).

Ngày 16/10/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (viết tắt là: Cơ quan Cảnh sát Điều tra) đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với C và P (Bl 1, 32, 53) đến ngày 02/02/2024 tiếp tục ra Quyết định khởi tố bị can đối với T (Bl 60). Trong ngày 16/10/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu của Vũ Thành C gồm: 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số 430/1 ngày 16/10/2023, có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q; 01 (một) phong bì màu trắng được niêm phong vụ số 430/2 ngày 16/10/2023, có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cùng các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q (Bl 73).

Kết luận giám định số 430/KL-KTHS-MT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Kết luận về đối tượng giám định như sau:

- Mẫu A1 có khối lượng 0,1005 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.
- Mẫu A2 có khối lượng 0,0304 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: Mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định (Bl 80).

Cáo trạng số 20/CT-VKSXM, ngày 21/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Vũ Thành Công về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự;

bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thành C và bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Đối với bị cáo Vũ Thành C:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thành C từ 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/10/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn P:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/10/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra 01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/1 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q; 01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/2 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q để tiếp tục tạm giữ chờ xác minh, làm rõ và xử lý sau do hiện nay chưa làm việc được với bị can Lê Xuân T.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và tự nguyện khai nhận toàn bộ quá trình thực hiện tội phạm đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; các bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và đều không tự bào chữa, tranh luận; những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì không ai gửi văn bản nêu ý kiến hoặc trình bày gì thêm. Riêng bà Vũ Thị H có mặt tại phiên tòa nhưng cũng không có yêu cầu hay ý kiến bổ sung nào khác chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo C là em ruột của mình.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Vào các ngày 05/10/2023 và ngày 07/10/2023, tại quán cà phê của bà Vũ Thị H thuộc tổ 0, ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bị cáo Vũ Thành C, bị cáo Nguyễn Văn P và bị can Lê Xuân T đã tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 19 giờ ngày 05/10/2023, bị cáo P đã rủ bị cáo C sử dụng ma túy nhưng do bị cáo C không có tiền nên bị cáo P đã đưa cho bị cáo C 200.000 đồng để bị cáo C đi bộ qua nhà bị can T mua 01 gói ma túy mang về quán cà phê của bà H. Tại đây, bị cáo C đổ ma túy vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy tự chế của mình và đốt (nấu) ma túy, rồi cùng bị cáo P sử dụng, sau đó để cho ông N là bạn đến chơi tiếp tục sử dụng.

- Lần thứ hai: Trong khoảng thời gian từ 02 giờ đến 02 giờ 45 phút ngày 07/10/2023, bị can T là người cung cấp ma túy, bị cáo C là người cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy và trực tiếp đốt ma túy. Sau đó, bị cáo C, bị cáo P, bị can T, bà S và ông N cùng nhau sử dụng bằng cách hít khói ma túy vào cơ thể. Mỗi người đã sử dụng được 03 lượt thì bị lực lượng Công an xã P, huyện X đi tuần tra phát hiện, lập biên bản tạm giữ toàn bộ tang vật và yêu cầu tất cả mọi người về trụ sở làm việc, riêng bị can T chạy thoát.

Như vậy, đủ cơ sở xác định: Có 03 người cùng thực hiện một tội phạm, trong đó ngày 05/10/2023, bị cáo P là người kích động, dụ dỗ và cung cấp chất ma túy cho bị cáo C và ông N cùng sử dụng; bị cáo C là người nhận tiền của bị cáo P để đi mua ma túy và cung cấp dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy cho bị cáo P và ông N sử dụng. Đến ngày 07/10/2023 thì bị can T là người cung cấp chất ma túy, bị cáo C là người cung cấp dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy và trực tiếp đốt ma túy tạo khói sau đó cùng sử dụng với bị cáo P, bị can T, bà S và ông N.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người chứng kiến; phù hợp với kết luận giám định, với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Chất ma túy thu giữ của các bị cáo và bị can T được kết luận cụ thể là loại Methamphetamine. Trong đó, mẫu A1 có khối lượng 0,1005 gam; mẫu A2 có khối lượng 0,0304 gam (tại Kết luận giám định số 430/KL-KTHS-MT, ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu).

Động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo đều là người đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được tác hại của ma túy và những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về ma túy nhưng từ sự khởi xướng của bị cáo P thay vì phải từ chối và ngăn cản thì bị cáo C lại hưởng ứng và nhận lời để cùng thực hiện tội phạm. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được, mỗi bị cáo đã thực hiện ít nhất một hành vi hoặc thực hiện liên tục nhiều hành vi như cung cấp và chuẩn bị chất ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy với mục đích vừa thỏa mãn cho nhu cầu nghiện hút ma túy của bản thân vừa nhằm đưa chất ma túy một cách trái phép vào cơ thể người khác.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm Điều 5 của Luật phòng, chống ma túy năm 2021 và xâm phạm trực tiếp đến các chính sách của quản lý nhà nước về phòng, chống ma túy đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; gây tác hại nhiều mặt cho gia đình và cộng đồng, ảnh hưởng đối với sức khỏe con người, là nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, xác định vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị C đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần và mỗi lần đều đối với 02 người trở lên nên hành vi của bị cáo C đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; bị cáo P là người tạo điều kiện vật chất để cung cấp chất ma túy cho 02 người khác sử dụng trái phép nên hành vi của bị cáo P đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân huyện X truy tố các bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vụ án có nhiều người cùng tham gia nhưng chưa có sự bàn bạc, phân công vai trò chặt chẽ nên chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn. Hành vi đồng phạm của các bị cáo mang tính chất hỗn hợp, vừa có người thực hành, vừa có người xúi giục và vừa có người giúp sức nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với việc đồng phạm. Các bị cáo đều được Phòng Hồ sơ Nghiệp vụ Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xác nhận là người chưa có tiền án, tiền sự nhưng về nhân thân bị cáo C vào ngày 20/9/2018, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 13 tháng tại Quyết định số 57/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 06/5/2021; bị cáo P vào ngày 25/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 12 tháng tại Quyết định số 93/2016/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 11/5/2017. Như vậy, các bị cáo đều đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính nhưng các bị cáo không lấy đó làm tiêu chuẩn, thước đo cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân tốt mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội là thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Tất cả các bị cáo đều được cơ quan chức năng xác định là người nghiện ma túy nhưng không tự giác cai nghiện. Mặc dù, các bị cáo thấy rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bị pháp luật cấm nhưng trong các ngày 05 và ngày 07 tháng 10 năm 2023, các bị cáo đã thay nhau thực hiện hành vi phạm tội, riêng bị cáo C mỗi lần đều đối với 02 người trở lên. Do đó, xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thành C và bị cáo Nguyễn Văn P đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến nhưng đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định khác và không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo theo khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/1 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q; 01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/2 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; căn cứ vào lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà S và ông N tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra thì số ma túy thu giữ vào ngày 07/10/2023 là của bị can Lê Xuân T nhưng do bị can T đã bỏ trốn và cho đến nay vẫn chưa làm việc được nên giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra tiếp tục tạm giữ chờ xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[6] Các vấn đề khác:

- Đối với bị can Lê Xuân T, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Do thời hạn điều tra đã hết nhưng bị can T đang bỏ trốn chưa bắt được, Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã ra quyết định số 267/QĐ-ĐCSHS-KTMT, ngày 04/3/2024 tách vụ án hình sự để tiếp tục xác minh, điều tra và đề nghị xử lý sau là phù hợp với quy định tại Điều 36 và Điều 170 của Bộ luật Tố tụng Hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với lời khai của bị cáo Vũ Thành C về việc tối ngày 05/10/2023 đã mua 01 gói ma túy của bị can Lê Xuân T nhưng do bị can T đang bỏ trốn. Ngoài lời khai của bị cáo C thì Cơ quan Cảnh sát Điều tra chưa làm việc được cũng như chưa thu thập được chứng cứ nào khác để khởi tố bị can T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với chất ma túy, loại Methamphetamine còn lại chưa sử dụng bao gồm: Trong dụng cụ dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy (nỏ thủy tinh) có khối lượng 0,1005 gam và trong túi nylon màu trắng có khối lượng 0,0304 gam được xác định là của bị can Lê Xuân T mang đến vào ngày 07/10/2023. Hiện Cơ quan Cảnh sát Điều tra đang truy bắt đối với bị can T về tội “Tổ chức sử dụng trái

phép chất ma túy” nên khi nào bắt được bị can T sẽ điều tra làm rõ và xử lý sau. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với bà Vũ Thị H, sinh năm 1984 (chị ruột của bị cáo C) là chủ quán cà phê nơi các bị cáo sử dụng làm địa điểm để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng sau mỗi cuối ngày, khi hết khách uống cà phê thì bà H dọn dẹp quán và đi vào nhà để chăm lo cho gia đình, nghỉ ngơi. Việc các bị cáo và những người khác sử dụng ma túy ngay tại quán của bà H khi bà H không có mặt và không biết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà H là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Hoàng Ngọc N và bà Trần Thị Bé S (B). Quá trình điều tra xác định, đây là những người chỉ tham gia sử dụng chất ma túy do các bị cáo và bị can T cung cấp trái phép. Ngoài ra, những người này không đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác; không cung cấp hay chuẩn bị ma túy dưới bất cứ hình thức nào; không chuẩn bị địa điểm; không chuẩn bị dụng cụ, phương tiện dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra không có cơ sở xem xét về hành vi đồng phạm của những người này về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cùng với các bị cáo và bị can T. Tuy nhiên, hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của ông N và bà S đã được Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền mỗi người 1.500.000 đồng (tại Quyết định số 01/QĐ-XPHC và số 02/QĐ-XPHC cùng ngày 04/3/2024) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP, ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy, chữa cháy; cứu nạn, cứu hộ; phòng, chống bạo lực gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết gì thêm.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phân xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vũ Thành C và bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

2.1. Đối với bị cáo Vũ Thành C:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thành C 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/10/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

2.2. Đối với bị cáo Nguyễn Văn P:

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 07/10/2023).

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/1 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q; 01 (một) phong bì màu trắng ghi vụ số 430/2 ngày 16/10/2023 đã được niêm phong có in hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và các chữ ký ghi họ tên Thượng tá Đỗ Ngọc Đ, Võ Thanh H, Đỗ Thị Linh S, Hoàng Nhân Q.

(Vật chứng thu giữ đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng số 38/BB, ngày 03/4/2024).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Vũ Thành C và bị cáo Nguyễn Văn P, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ CSĐT Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã P, huyện X;
- UBND thị trấn P, huyện X;
- UBND xã H, Tp. B;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến